

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **120/2020/HC-PT**

Ngày: 02 - 7 - 2020

V/v: “*Kiến quyết định hành chính, hành vi
hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cường

Các Thẩm phán: Ông Trần Quốc Cường

Bà Lê Thuý Cầu

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Xuân Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 130/2020/TLPT-HC ngày 10/02/2020, về việc “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 63/2019/HC-ST ngày 20-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1062/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** *Người khởi kiện:*** Bà **Phan Thị L**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 4, khối phố Đ (nay là Đ), phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

*** *Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam; Trụ sở: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Huỳnh Khánh T**, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 977/UBND-NC ngày 28/02/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Phan Khắc C**, chức vụ: Chủ tịch Hội Luật gia tỉnh Quảng Nam; Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Trụ sở: thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh N, chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 122/UBND- VP ngày 01/8/2019). Vắng nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Nguyễn Đức C, chức vụ: Đội trưởng Đội Quy tắc thành phố T; Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông Nguyễn Quốc S, chức vụ: Trưởng phòng Phòng Tư pháp thành phố T; Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông Trần Thanh D, chức vụ: Phó Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị thành phố T; Địa chỉ: thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông Nguyễn Đình D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường H, thành phố T; Địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày tại phiên tòa của người khởi kiện bà Phan Thị L như sau:

Năm 1996, bà mua lại của Hợp tác xã T thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28 (loại đất nông nghiệp) tại khối phố Đ (nay là Đ), phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để kinh doanh. Năm 2000, bà xây dựng kho chứa phân vi sinh kinh doanh nhưng đến năm 2010 thì nghỉ làm do làm ăn thua lỗ. Năm 2015, bà làm sập đổ 01 bức tường nhà kho. Tháng 3/2016 bà xây dựng lại bức tường đổ và nuôi heo tại đây từ năm 2017. Quá trình sử dụng đất và xây dựng nhà kho của bà từ trước đến nay ổn định, có đóng thuế hàng năm đầy đủ nhưng bà không nhận được thông báo nào về việc giải tỏa đền bù của UBND phường H và UBND thành phố T.

Ngày 26/10/2016, Đội Quy tắc đô thị thành phố T lập biên bản vi phạm hành chính yêu cầu bà dừng thi công vì thửa đất xây dựng nằm hoàn toàn trong khu đất phân lô và đất giao thông, vi phạm Đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 xây dựng Khu tái định cư Khu công nghiệp T (theo Quyết định số 5459/QĐ-UB

ngày 31/12/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam). Ngày 07/11/2016, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 8715/QĐ-XPVPHC đối với bà Phan Thị L về hành vi vi phạm tổ chức thi công xây dựng nhà ở riêng lẻ ở đô thị không có giấy phép xây dựng, quy định tại điểm b khoản 6 Điều 13 Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ với mức phạt tiền 6.250.000 đồng và buộc phá dỡ công trình xây dựng vi phạm nhưng bà không thực hiện.

Ngày 24/02/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2345/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Sau khi nhận được Quyết định này, bà cải tạo đập các vách ngăn tường nhà kho thành chuồng nuôi heo. Ngày 10/7/2017, Đội Quy tắc đô thị phối hợp với UBND phường H và các ngành chức năng cưỡng chế phá dỡ chuồng heo của bà, thời điểm đó trong chuồng có 11 con heo, do bà không nhận lại số heo này nên Đội Quy tắc đô thị đưa về trụ sở UBND phường H. Ngày 11/7/2017, Đội Quy tắc đô thị giao Thông báo số 56/TB-QTĐT yêu cầu bà nhận lại tài sản.

Sau khi bà có đơn khiếu nại Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì ngày 03/10/2017, Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 10754/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung: Việc cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật, bà Phan Thị L liên hệ UBND phường H để nhận lại heo theo Thông báo số 56/TB-QTĐT ngày 11/7/2017. Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố T nên bà tiếp tục khiếu nại Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017. Ngày 26/01/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung: Không công nhận nội dung khiếu nại Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T, trả lại chuồng heo và 11 con heo cho bà, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại.

Nay bà Phan Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính; hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; hủy Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L; hủy Quyết định

số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L. Đồng thời, yêu cầu UBND thành phố T hoàn trả lại chuồng heo trị giá 35.000.000 đồng và 11 con heo trị giá 23.300.000 đồng (05 con heo giống, 07 kg/con x 2.500.000 đồng/con và 06 con heo thịt 30kg/con x 60.000 đồng/kg) cho bà như trước khi bị cưỡng chế.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, trình bày như sau:

Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L là đúng theo quy định của pháp luật, nên việc Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 không chấp nhận nội dung Đơn khiếu nại của bà Phan Thị L khiếu nại yêu cầu hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trả lại chuồng heo và 11 con heo cho bà; công nhận và giữ nguyên Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L là có cơ sở, nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L.

Theo văn bản số 2264/UBND-TP ngày 14/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam và lời trình bày tại phiên tòa của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam, như sau:

Việc bà Phan Thị L tổ chức thi công xây dựng công trình trên thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28 thuộc khối phố Đ (nay là Đ), phường H không có Giấy phép xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, là hành vi vi phạm pháp luật. Nên UBND phường H, phối hợp với Đội Quy tắc đô thị thành phố T lập Biên bản vi phạm hành chính và Biên bản kiểm tra hiện trạng, đồng thời tham mưu Chủ tịch UBND thành phố T, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị L, về hành vi tổ chức thi công xây dựng ở đô thị không có Giấy phép xây dựng, là đúng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở. Sau khi Chủ tịch UBND thành phố T, ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bà Phan Thị L không tự giác chấp hành tháo

dỡ công trình xây dựng vi phạm mà tiếp tục xây dựng hoàn thiện công trình. Để đảm bảo thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, ngày 24/02/2017 Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 2345/QĐ-CC cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính và tổ chức cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng là hoàn toàn đúng theo quy định, tại khoản 1 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012. Sau khi nhận được Thông báo thời gian tổ chức cưỡng chế thì bà Phan Thị L có nhờ ông Huỳnh T cải tạo đập các tường ngăn trong nhà xuống và sau đó tiến hành nuôi heo. Tại thời điểm cưỡng chế, trong công trình xây dựng vi phạm của bà Phan Thị L có 11 con heo nhưng bà L không nhận lại, nên UBND phường H và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố T lập Biên bản tạm giữ và giao cho UBND phường H quản lý 11 con heo này là đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Việc bà Phan Thị L có Đơn khiếu nại đối với Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 và yêu cầu hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017, trả lại chuồng heo cho bà là không đúng quy định nên không có cơ sở để xem xét giải quyết. Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về việc giải quyết khiếu nại không chấp nhận nội dung Đơn khiếu nại ngày 27/7/2017 của bà Phan Thị L, giữ nguyên Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về việc cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với số tiền phạt vi phạm hành chính 6.250.000 đồng và chi phí cưỡng chế (*lớn hơn 40.000.000 đồng*) thì yêu cầu bà Phan Thị L nộp và chi trả theo quy định của pháp luật.

Đối với việc bà Phan Thị L yêu cầu trả lại chuồng heo và 11 con heo thì trường hợp Tòa án xác định các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành

phố T không đúng pháp luật thì Chủ tịch UBND thành phố T đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản theo giá trị như đề nghị của bà Phan Thị L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2019/HC-ST ngày 20-11-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng các Điều 3, 30, 32, 115, 116 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 103, 166 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Không chấp nhận yêu cầu hủy các Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L và Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc buộc UBND thành phố T hoàn trả lại chuồng heo trị giá 35.000.000 đồng cho bà Phan Thị L.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc buộc UBND thành phố T phải trả cho bà Phan Thị L giá trị của 11 con heo là 11.480.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 12 năm 2019, bà Phan Thị L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà phúc thẩm hủy các quyết định hành chính bị khiếu kiện, hoàn trả chuồng heo với 11 con heo khoẻ mạnh như lúc ban đầu, vì số tiền 11.480.000 đồng hiện tại không thể mua được 11 con heo như trước.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ cho UBND thành phố T và UBND tỉnh Quảng Nam đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện UBND tỉnh Quảng Nam khẳng định việc ban hành các quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố T và của Chủ tịch UBND tỉnh

Quảng Nam là có căn cứ và đúng pháp luật. Còn vấn đề bồi thường giá trị của 11 con heo cho bà Phan Thị L thì sẽ chỉ đạo UBND thành phố T giải quyết thoả đáng trong giai đoạn thi hành án.

Người kháng cáo bà Phan Thị L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện đồng thời là người kháng cáo bà Phan Thị L, giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu Toà án huỷ các quyết định hành chính bị khởi kiện: yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T; huỷ Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T; huỷ Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L; huỷ Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L. Đồng thời, yêu cầu UBND thành phố T hoàn trả lại chuồng heo trị giá 35.000.000 đồng và 11 con heo trị giá 23.300.000 đồng (*05 con heo giống, 07 kg/con x 2.500.000 đồng/con và 06 con heo thịt, 30kg/con x 60.000 đồng/kg*) cho bà như trước khi bị cưỡng chế. Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của bà Phan Thị L thì thấy:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị L cho rằng bà chỉ sửa lại nhà kho hư hỏng để nuôi heo chứ không xây dựng nhà ở nên việc xử phạt, cưỡng chế là không đúng quy định. Tuy nhiên qua biên bản vi phạm được lập ngày 31/10/2016 (BL 50), thể hiện: Hiện trạng: móng xây gạch, tường xây gạch, nền đất, mái lợp tole, diện tích $4,3m \times 9 = 38,7m^2$; bản ảnh chụp công trình (BL 100, 101, 102, 103) cho thấy đây là công trình nhà ở. Đồng thời, theo lời khai của ông Huỳnh T (BL 78), tại biên bản xác minh sự việc ngày 22/7/2017, ông Huỳnh T khai rằng: Trước ngày 22/6/2017, bà L có nhờ ông gọi người cải tạo đập các tường ngăn trong nhà xuống để phục vụ mục đích gì thì ông không rõ.

Hiện trạng công trình của bà L trước khi cải tạo gồm 1 phòng khách, 1 phòng ngủ và 1 phòng bếp. Ông Huỳnh T có gọi cho ông Đoàn Huỳnh A thường trú tại khu phố Đ, phường H đến làm giúp bà Phan Thị L. Theo ông T thì bà L cải tạo công trình làm gì thì ông không biết, thời gian cải tạo vào khoảng ngày 19/6/2017. Do đó, đủ cơ sở khẳng định bà L xây dựng công trình nhà ở tại đô thị không có giấy phép xây dựng theo quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng năm 2014.

[2.2] Đối với Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính: Do bà Phan Thị L có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình trên thửa đất số 64, tờ bản đồ số 28 thuộc khối phố Đ (nay là Đ), phường H, không có Giấy phép xây dựng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hành vi vi phạm pháp luật. Nên UBND phường H phối hợp với Đội Quy tắc đô thị thành phố T lập Biên bản vi phạm hành chính và Biên bản kiểm tra hiện trạng. Do đó Chủ tịch UBND thành phố T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Phan Thị L, về hành vi tổ chức thi công xây dựng ở đô thị không có Giấy phép xây dựng là đúng theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 13 của Nghị định số 121/2013/NĐ-CP ngày 10/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng; kinh doanh bất động sản; khai thác, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; quản lý phát triển nhà và công sở.

[2.3] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử xét: Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính, không bị bà Phan Thị L khởi kiện, do bà Phan Thị L không thực hiện, nên Chủ tịch UBND thành phố T ra Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng qui định pháp luật. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của bà Phan Thị L.

[2.4] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L, Hội đồng xét xử xét: Tại Đơn khiếu nại ngày 27/7/2017 (Bút lục 79) bà L chỉ khiếu nại 02 nội dung: Yêu cầu hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND

thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của bà Phan Thị L và trả lại chuồng heo và 11 con heo cho bà.

Như đã phân tích ở trên, yêu cầu hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của bà Phan Thị L và trả lại chuồng heo là không có cơ sở. Riêng đối với yêu cầu trả lại 11 con heo cho bà, Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L cũng đã nêu rõ: Bà Phan Thị L được nhận lại 11 con heo. Trước khi ra Quyết định giải quyết khiếu nại, UBND thành phố T đã tiến hành xác minh và tổ chức đối thoại đúng trình tự thủ tục. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L của Chủ tịch UBND thành phố T là đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Đối với yêu cầu hủy Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L, Hội đồng xét xử xét: Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại lần 2 của bà Phan Thị L là phù hợp với quy định của pháp luật. Trước khi ra Quyết định giải quyết khiếu nại, UBND tỉnh Quảng Nam đã ủy quyền cho Thanh tra tỉnh Quảng Nam tổ chức đối thoại với bà Phan Thị L đúng trình tự thủ tục và nội dung.

[2.6] Đối với yêu cầu trả lại 11 con heo cho bà, Hội đồng xét xử xét: Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T cũng đã thừa nhận: 11 con heo là tài sản của bà Phan Thị L. Khi tổ chức cưỡng chế, Hội đồng cưỡng chế có tiến hành cân và lập biên bản giao cho UBND phường H quản lý 11 con heo. Tại Thông báo số 56/TB-QLĐT ngày 11/7/2017 của Đội quy tắc đô thị thành phố T cũng yêu cầu bà L nhận lại 11 con heo. Nhưng bà L thừa nhận: Bà không nhận lại 11 con heo vì không có chỗ nuôi. Hiện nay, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố T cũng đã thừa nhận hiện nay 11 con heo là tài sản của bà Phan Thị L đã bị chết và UBND thành phố T chấp nhận hoàn lại giá trị 11 con heo cho bà L theo giá thị trường mà bà L yêu cầu tại Biên bản đối thoại không thành ngày 11/10/2019 (Bút lục 43 - 45) là 358.000 đồng/kg đối với heo giống và 60.000 đồng/kg đối với heo thịt.

Và UBND thành phố T chỉ chấp nhận với số kg mà Hội đồng cưỡng chế có tiến hành cân và lập biên bản giao cho UBND phường H quản lý. Tại phiên

tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND thành phố T cũng thừa nhận: Do không mang theo cân, nên Hội đồng có ước độ khoảng và chấp nhận có sự chênh lệch từ 5 - 10% so với biên bản. Bà L cũng không có chứng cứ chứng minh số kg của từng con heo, như bà L đã khai. Nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể được tính như sau: 05 con heo giống x 4kg/con x 358.000 đồng/kg = 7.160.000 đồng; 06 con heo thịt x 12kg/con x 60.000 đồng/kg = 4.320.000 đồng. Như vậy, UBND thành phố T phải trả cho bà Phan Thị L giá trị của 11 con heo là 11.480.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, người được ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam cho rằng sẽ chỉ đạo UBND thành phố T giải quyết thỏa đáng quyền lợi của bà Phan Thị L đối với giá trị 11 con heo này trong giai đoạn thi hành án.

Từ các phân tích và lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc hủy Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính, hủy Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, hủy Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L, hủy Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L. Không chấp nhận yêu cầu UBND thành phố T hoàn trả lại chuồng heo trị giá 35.000.000 đồng, buộc UBND thành phố T phải trả cho bà Phan Thị L giá trị của 11 con heo là 11.480.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của bà Phan Thị L không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Phan Thị L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị (phần án phí sơ thẩm) có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính: Bác kháng cáo của bà Phan Thị L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 3, 30, 32, 115, 116 và Điều 193 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; các Điều 103, 166 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc “*Kiến quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai*” đối với Chủ tịch UBND thành phố T, tỉnh Quảng Nam và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam.

Không chấp nhận yêu cầu hủy các Quyết định số 8715/QĐ-XPVPHC ngày 07/11/2016 của Chủ tịch UBND thành phố T về xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 2345/QĐ-CC ngày 24/02/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 10754/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của Chủ tịch UBND thành phố T về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L và Quyết định số 410/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam về giải quyết khiếu nại của bà Phan Thị L.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc buộc UBND thành phố T hoàn trả lại chuồng heo trị giá 35.000.000 đồng cho bà Phan Thị L.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị L về việc buộc UBND thành phố T phải trả cho bà Phan Thị L giá trị của 11 con heo là 11.480.000 đồng.

Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Phan Thị L phải chịu là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm mà bà đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000426 ngày 09/01/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

Nguyễn Cường